

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LAGI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-ST
Ngày: 24/10/2018
“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Hơn
2. Ông Nguyễn Hữu Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST-HC ngày 06/01/2017, về việc: “Khởi kiện văn bản hành chính của UBND xã T H”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02 /2017/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Võ Thị C, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn H T, xã T H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố x, phường B T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(văn bản uỷ quyền ngày 19.12.2016)

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã T H, Ông Huỳnh Minh V.
UBND xã T H,

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Minh V- Chủ tịch ủy Ban nhân dân xã T H, thị xã L, Bình Thuận.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Ngọc L, chức vụ : Phó chủ tịch UBND xã T H (văn bản uỷ quyền ngày 05 tháng 9 năm 2017)

(bà C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1967 cha mẹ của bà Võ Thị C khai hoang diện tích đất tại thôn H T, xã

T H, huyện H T, nay là thôn H T, xã T H, thị xã L G khoảng hơn 13000m² để sản xuất nông nghiệp. Năm 1968 cha mẹ bà C cho bà diện tích đất mà cha mẹ đã khai hoang và bà sử dụng liên tục đến nay.

Từ 2003 bà Võ Thị C liên tục làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích trên nhưng không được địa phương quan tâm giải quyết. Bà thừa đất bà C xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là thửa số 46 tờ bản đồ số 32 diện tích 4644.7m² và thửa số 47 tờ bản đồ số 32 diện tích 5803.3m², thửa số 48 diện tích 2841.8m² quá trình giải quyết đơn của bà, xã T H có sự nhầm lẫn cho rằng cả 03 diện tích đất bà C xin cấp giấy chứng nhận nằm trong khu dự án nên không xem xét đơn yêu cầu của bà C từ năm 2003 đến 2007. Sau nhiều lần khiếu nại thì được Ủy ban xác định là chỉ có thửa số 48 thuộc qui hoạch dự án, bà C yêu cầu được công nhận quyền sử dụng cho bà hai thửa còn lại là thửa 46,47.

Bà C không đồng ý việc UBND xã T H xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận ngày 04.4.2016 của bà C với nội dung “bà Võ Thị C không canh tác, tác động đến đất”. Bà C không yêu cầu đối với thửa số 48 vì thửa này đã giải quyết xong năm 2007 Công ty Liên doanh khoáng sản Quốc tế H T đã đền bù công khai hoang cho bà. Thửa số 46 liên kế do gia đình bà sử dụng trồng keo lá tràm, trồng dương để giữ đất, thửa số 47 cũng trồng cây giữ đất và trên thửa số 47 hiện có 8 cái mả của dòng họ, bà cùng gia đình thường xuyên thăm, chăm sóc mồ mả. Người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã T H về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với người khởi kiện; yêu cầu hủy thông báo số 45/TB-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã T H về giao trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu tuyên hủy phần xác nhận của UBND xã T H ngày 04.4.2016 về nguồn gốc đất trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31.12.2015 của bà C.

Quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm hiện nay bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà C không yêu cầu giải quyết các vấn đề liên quan đến thửa đất số 46 diện tích 4644.7m², bà C yêu cầu giải quyết các quyết định hành chính liên quan đến diện tích 5803.3m² tại thửa đất số 47 (theo kết quả đo đạc ngày 28/3/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai L tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà C đồng ý giải quyết theo diện tích đã được xác minh thẩm định tại biên bản ngày 26/9/2018 là **4970m²** (chưa tính diện tích khu mồ mả là **398.1m²**).

Bị kiện trình bày:

Năm 2016 bà Võ Thị C nộp đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, diện tích gồm 3 thửa số 46, 47, 48 tờ bản đồ số 32 khu đầm Đ T (Mỏ G Đ) thôn H T, xã T H. Trong đó thửa số 48 đã có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh B số 203/QĐ-UBND ngày 19.01.2007 và quyết định thu hồi của UBND thị xã L số 444/QĐ-UBND ngày 19.7.2007. Sau khi giải quyết đơn, bà C không yêu cầu cấp sổ đối với thửa 48, còn lại 2 thửa số 46 và 47 bị kiện xác định 2 thửa này tuy có nguồn gốc

do bà C và gia đình khai phá sử dụng nhưng bà C không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận vì bà C không có các loại giấy tờ qui định tại điều 100 Luật đất đai 2013, từ 2009 đến nay bà C không tác động sử dụng đất, các thửa bà C yêu cầu cấp giấy chứng nhận nằm trong diện tích thửa số 42 tờ bản đồ số 32 do Xí nghiệp trắc địa Bộ Quốc phòng đo vẽ năm 2000, diện tích thửa số 42 là 163565m² theo bản đồ và theo sổ mục kê lưu trữ tại xã thì thửa này qui chủ Ủy ban xã T H quản lý, từ 2007 thửa số 47 đã giao cho công ty H T quản lý sử dụng cho đến thời điểm công ty hoàn phục môi trường, công ty H T đã trồng dương trên diện tích đất thửa số 47. Vì vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 điều 21 Nghị định số 43 của Chính phủ, bị kiện không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng qui định.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu của người khởi kiện có cơ sở, đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện. Người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị C ủy quyền hợp lệ cho ông Nguyễn Thanh B tham gia tố tụng, tại phiên tòa, bà C vắng mặt đã có đại diện theo ủy quyền tham gia, phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 158 luật tố tụng hành chính.

[2] Về quan hệ pháp luật: Người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã T H về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với người khởi kiện; yêu cầu hủy thông báo số 45/TB-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã T H về giao trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu tuyên hủy phần xác nhận của UBND xã T H ngày 04.4.2016 về nguồn gốc đất trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, và tài sản khác gắn liền với đất của bà C, đây là việc khiếu kiện các quyết định hành chính theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[3] Xét yêu cầu của người khởi kiện: Xét về hình thức, các văn bản người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy, được Chủ tịch UBND xã T H - ông Huỳnh Minh V ký ban hành, về thẩm quyền ban hành văn bản và hình thức văn bản phù hợp pháp luật.

Về nội dung, người khởi kiện yêu cầu hủy các văn bản nêu trên với lý do: Người khởi kiện trực tiếp sử dụng đất từ năm 1968 đến nay, quá trình sử dụng đã nhiều lần lập hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng nhưng không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Hồ sơ thể hiện, trước năm 2009 bà Võ Thị C nhiều lần đăng ký

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất cha mẹ bà khai hoang để lại cho bà canh tác và chăm sóc mồ mả của dòng họ, khu đất thuộc Mỏ G Đ, thôn H T, xã T H, thị xã L G. Chứng cứ là phiếu giao nhận hồ sơ ngày 10.7.2003 và phiếu nhận hồ sơ ngày 08.8.2005 của cán bộ xã T H đối với bà C. Năm 2016 cán bộ xã T H thừa nhận lý do không giải quyết hồ sơ của bà Võ Thị C trước đây là do khu vực đất bà C xin đăng ký quyền sử dụng thuộc đất qui hoạch khai thác khoáng sản nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Việc UBND xã T H không giải quyết hồ sơ xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C thời điểm năm 2003 và 2005 mà không có lý do chính đáng, không thông báo cho người nộp hồ sơ là thiếu sót của địa phương, ảnh hưởng trực tiếp quyền lợi của bà Võ Thị C. Quá trình giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C, bị kiện không nêu được tình tiết diện tích bà C xin cấp quyền sử dụng đã qui chủ cho Ủy ban xã T H quản lý từ năm 2000, bị kiện chỉ nêu tình tiết này tại phiên tòa sơ thẩm. Trước đó, phía bị kiện chỉ nêu được lý do không giải quyết hồ sơ của bà C vì khu vực đất bà xin cấp chủ quyền bị ảnh hưởng qui hoạch khai thác mỏ, và thực tế diện tích bị ảnh hưởng qui hoạch chỉ là một phần nhỏ trong tổng diện tích bà C đăng ký ($2.841.8m^2 / 13.289.8m^2$). Trong quá trình làm việc với đại diện của bà C, cán bộ Phòng tài nguyên Môi trường thị xã L đã xác định việc UBND xã T H không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà C với lý do khu đất bà xin cấp quyền sử dụng bị ảnh hưởng dự án là không phù hợp vì thực tế chỉ ảnh hưởng một phần (BL 25).

Ngoài ra còn có việc Ủy ban nhân dân thị xã L có quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân bà Võ Thị C, diện tích thu hồi $5271m^2$, kèm bản đồ do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh B xác lập, trong quyết định ghi tứ cận, phía tây thửa đất bị thu hồi giáp đất UBND xã quản lý. Ngày 15/6/2018 Tòa án đã tiến hành xác minh thẩm định diện tích đất liên quan các quyết định hành chính bị khiếu kiện, biên bản xem xét thẩm định cũng ghi nhận hiện trạng trên đất khu vực thửa số 47 có 08 cái mả, trong đó có mả ghi “Võ Thị C lập mộ 17/12/2008”, “phía tây thửa đất, diện tích 2/3 thửa trồng dương, mật độ tương đối đều”, bản vẽ sơ đồ (phát hành ngày 26/9/2018) thể hiện một phần diện tích đất bà C bị thu hồi theo quyết định 444 nêu trên giáp ranh với thửa số 47 bà C đang tranh chấp. Trình bày của bà C về việc bà và gia đình có sử dụng đất liên tục từ 1968 đến nay, phù hợp với tài liệu bà cung cấp là các giấy biên nhận hồ sơ xin cấp quyền sử dụng vào năm 2003, 2005 và giấy xác nhận của nguyên Chủ tịch UBND xã T H về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà C vào năm 2007 và năm 2008. Những tình tiết nêu trên mâu thuẫn với trình bày của bị kiện về việc UBND xã quản lý diện tích đất thửa số 42 trong đó có thửa 47 bà C xin cấp quyền sử dụng, mâu thuẫn với nội dung xác nhận của UBND xã “từ năm 2009 đến nay bà Võ Thị C không canh tác tác động đến đất”.

Thời điểm đo vẽ bản đồ năm 2000 cơ quan đo đạc đã xác định thửa 42 là đất hoang nên qui chủ cho UBND xã T H, thực tế thì UBND xã T H chỉ biết tình tiết này trên bản đồ và sổ mục kê sau khi Tòa án có quyết định xét xử vụ tranh chấp do

bà Võ Thị C khởi kiện. Các tài liệu khác thể hiện khu vực đất bà C đăng ký quyền sử dụng có nguồn gốc của gia đình bà C, chứng minh qua các xác nhận của chính quyền xã T H (xác nhận ngày 20/7/2007 và đơn ngày 19/01/2008 của Chủ tịch UBND xã T H, xác nhận trong đơn đăng ký cấp giấy CN ngày 04/4/2016 của Chủ tịch UBND xã T H, các văn bản số 1632/UBND-NC ngày 16/9/2018, văn bản số 1619/UBND-TNMT ngày 15/8/2012) trước khi mở phiên tòa xét xử vụ án, bị kiện chỉ nêu lý do cho rằng từ 2009 đến nay bà C không canh tác sử dụng nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

UBND xã T H căn cứ vào các biên bản xác minh những hộ dân xung quanh để khẳng định bà C không sử dụng đất liên tục làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền trả lại hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà C là chưa thực sự đảm bảo quyền lợi cho bà. Diện tích đất khu đầm Đ T do gia đình bà C sử dụng và xin đăng ký, có thửa số 48 đã giao cho công ty H T, thửa số 47 chưa có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, diện tích đất này không hoang hóa, không có tranh chấp quyền sử dụng cũng như không có tranh chấp tài sản trên đất. Bà C khai báo việc sử dụng và quản lý tài sản là cây trồng, việc chăm sóc mủ mả trên đất là phù hợp thực tế. Theo người khởi kiện, cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L đo thửa 47 đã không tính diện tích khu vực mủ mả vào diện tích yêu cầu được công nhận là nằm ngoài ý muốn của bà C, ý thức chủ quan của bà là yêu cầu đo và xin cấp sổ toàn bộ khu vực, gồm cả đất có mả, tuy nhiên diện tích đất liên quan đến các quyết định hành chính không bao gồm cả diện tích mủ mả nên HĐXX không xem xét.

Bị kiện cho rằng Công ty H T trồng cây dương trên thửa đất số 47 trong khi đất không thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty Liên doanh khoáng sản quốc tế H T mà diện tích này do gia đình bà C khai phá sử dụng, sự việc không được bà C thừa nhận nên không có căn cứ khẳng định cây dương là tài sản của Công ty H T vì vậy không thể khẳng định bà C không quản lý, sử dụng đất từ 2009 đến nay.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 236/QĐ-UBND ngày 13.12.2016 của Chủ tịch UBND xã T H có nhiều nội dung, với nhận định trên HĐXX sẽ xem xét phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người khởi kiện. Thông báo số 45/UBND ngày 16.5.2016 của UBND xã T H về việc giao trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là căn cứ vào công văn của Chi nhánh VPĐK đất đai La Gi, công văn số 600/CNVPĐKĐDLG ngày 10.5.2016 về việc giao trả hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của bà Võ Thị C, căn cứ vào việc UBND xã T H xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trong đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Võ Thị C, có nội dung “từ năm 2009 đến nay bà Võ Thị C không canh tác, tác động đến đất” vì vậy Chi nhánh VPĐKĐDLG chuyển trả hồ sơ cho UBND xã T H. Các văn bản chứa đựng nội dung bị yêu cầu hủy liên quan đến thửa đất số 47 diện tích 4970m² sẽ được Hội đồng xử án xem xét, quyết định, đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện (Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, 31, khoản 2 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính;
- Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2014, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Nghị định 43/ 2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C đối với các quyết định hành chính, văn bản hành chính liên quan đến thửa đất số 46 diện tích 4644.7m², tờ bản đồ số 32, thuộc khu Đầm Đ T, thôn H T, xã T H, thị xã L, Bình Thuận.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C:

Hủy bỏ một phần nội dung Điều 1 trong quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T H, thị xã L, Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C liên quan đến thửa đất số 47 diện tích 4970m² tờ bản đồ số 32, thuộc khu Đầm Đ T, thôn H T, xã T H, thị xã L, Bình Thuận.

Hủy bỏ một phần nội dung thông báo số 45/TB-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T H, thị xã L, Bình Thuận về việc giao trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất số 47 diện tích 4970m² tờ bản đồ số 32, thuộc khu Đầm Đ T, thôn H T, xã T H, thị xã L, Bình Thuận.

Hủy bỏ một phần nội dung xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, liên quan đến thửa đất số 47 diện tích 4970m² tờ bản đồ số 32, thuộc khu Đầm Đ T, thôn H T, xã T H, thị xã L, Bình Thuận của Ủy ban nhân dân xã T H, thị xã L, Bình Thuận trong đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Võ Thị C.

3. Án phí: Ủy ban nhân dân xã T H và Chủ tịch UBND xã T H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho người khởi kiện tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo biên lai số 0010060 ngày 04/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Người khởi kiện, người bị kiện có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã La Gi;
- THA thị xã La Gi;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS.

ĐẶNG THỊ HOA NGA